

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 26-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Lê Vũ Huy Hoàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Ngọc Cận**

2. Bà **Võ Ngọc Các**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Mỹ Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/HSST-QĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Đoàn Minh Đ, sinh ngày 11-02-1985, tại S; Nơi cư trú: ấp HĐ, xã NT, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn S và bà Võ Thị A; Có vợ và 01 người con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 28-9-2017 cho đến nay; (có mặt)

- Người bị hại: Ông **Võ Thành Đ1**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số xx đường NGT, Khóm 4, Phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Những người làm chứng:

1. Ông **Chu Bá Đ2**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: đường Q, ấp ĐH, xã ĐH, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1960; Nơi cư trú: ấp HK, xã VH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà **Trương Mỹ K**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp HK, xã VH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Bà **Trần Mỹ D**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp AB, xã VH, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà **Giang Quế Tr**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: đường MTT, Khóm 1, Phường 1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Minh Đ đăng ký thường trú ấp HĐ, xã NT, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là người làm công cho anh Võ Thành Đ1 là chủ cửa hàng tạp hóa – mỹ phẩm XT tại số 94 đường BT, Khóm 2, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Vào khoảng tháng 4-2013, Đ được anh Đ1 giao nhiệm vụ là đi tiếp thị sản phẩm để bán hàng và thu tiền từ những cửa hàng tại các huyện cố định trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, thì Đ đã lợi dụng sự tin nhiệm của anh Đ1 chiếm đoạt tài sản, với cách thức thực hiện như sau:

Khi đến bán hàng và thu tiền của những khách hàng mà Đ được giao nhiệm vụ, thì những khách hàng này trả tiền đầy đủ cho Đ theo số nợ mà cửa hàng kinh doanh tạp hóa – mỹ phẩm XT đưa ra, từ khoảng tháng 4-2013 đến khoảng tháng 5-2013 thì Đ thu tiền nợ về đăng nộp đầy đủ cho chị Lương Thị Thu Chứa là vợ của anh Đ1. Nhưng đến khoảng tháng 6-2013, do bản thân cần tiền tiêu xài cá nhân, cho nên sau khi Đ thu tiền nợ xong thì đem về đăng nộp không đầy đủ so với số tiền mà những khách hàng đã trả nhằm mục đích để tiêu xài cá nhân, với cách thức như vậy Đ đã chiếm đoạt số tiền tại từng tuyến bán hàng mà Đ phụ trách, như:

- Tại tuyến bán hàng CĐ – TQ – TM: tổng cộng có 13 khách hàng do Đ phụ trách bán hàng và thu tiền hàng, Đ đã chiếm đoạt số tiền là 36.796.400đ.

- Tại tuyến bán hàng CH – TC – TT – TL: tổng cộng có 08 khách hàng do Đ phụ trách bán hàng và thu tiền hàng, Đ đã chiếm đoạt số tiền là 54.719.800đ.

- Tại tuyến bán hàng thị trấn CC: tổng cộng có 04 khách hàng do Đ phụ trách bán hàng và thu tiền hàng, Đ đã chiếm đoạt số tiền là 20.667.200đ.

- Tại tuyến bán hàng VH – DB – LH – GC: tổng cộng có 15 khách hàng do Đ phụ trách bán hàng và thu tiền hàng, Đ đã chiếm đoạt số tiền là 94.894.500đ.

- Tại tuyến bán hàng thị xã N: tổng cộng có 10 khách hàng do Đ phụ trách bán hàng và thu tiền hàng, Đ đã chiếm đoạt số tiền là 48.591.300đ.

- Tại tuyến bán hàng thành phố S: tổng cộng có 05 khách hàng do Đ phụ trách bán hàng và thu tiền hàng, Đ đã chiếm đoạt số tiền là 12.349.100đ.

Như vậy, tổng số tiền mà Đ đã chiếm đoạt được của anh Đ1 là 268.018.300đ.

Đến ngày 27-11-2013, sau khi kiểm tra công nợ của những khách hàng còn thiếu tiền cửa hàng, thì anh Đ1 phát hiện Đ chiếm đoạt tiền của mình, cho nên anh Đ1 đã đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc, tại Cơ quan điều tra Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Cáo trạng số 04/QĐ-KSĐT ngày 09-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S đã truy tố bị cáo Đoàn Minh Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thay đổi và bổ sung quyết định truy tố Đoàn Minh Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Đoàn Minh Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Ghi nhận sự tự thỏa thuận về bồi thường thiệt giữa bị cáo với người bị hại như sau:

Bị cáo Đoàn Minh Đ đồng ý bồi thường cho người bị hại ông Võ Thành Đ1 số tiền là 230.669.200đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Giao 01 xe mô tô yamaha Nouvo biển số 83P1-xxx.yy cho người bị hại Võ Thành Đ1.

Tại phiên tòa, ông Võ Thành Đ1 là người bị hại thừa nhận bị cáo đã chiếm đoạt của ông số tiền 268.018.300đ và ông yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 255.669.200đ. Đồng thời, ông thừa nhận bị cáo đã bồi thường cho ông được số tiền là 10.000.000đ. Ông đồng ý nhận xe mô tô yamaha Nouvo biển số 83P1-xxx.yy của bị cáo và đồng ý giá trị xe là 15.000.000đ để khấu trừ số tiền bồi thường. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 230.669.200đ và yêu cầu ghi nhận sự tự thỏa thuận về bồi thường thiệt giữa người bị hại với bị cáo. Về hình phạt ông yêu cầu xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Minh Đ thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội. Bị cáo thừa nhận đã bồi thường cho người bị hại được số tiền là 10.000.000đ, đồng ý giao xe mô tô yamaha Nouvo biển số 83P1-xxx.yy cho người bị hại và đồng ý giá trị xe là 15.000.000đ để khấu trừ số tiền bồi thường. Nay đồng ý bồi thường số tiền 230.669.200đ theo yêu cầu của người bị hại và yêu cầu ghi nhận sự tự thỏa thuận về bồi thường thiệt giữa bị cáo với người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, ông Chu Bá Đ2, bà Trần Thị L, bà Trương Mỹ K, bà Trần Mỹ D và bà Giang Quế Tr là những người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra thì những người làm chứng đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của những người làm chứng cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều

293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Minh Đ đã khai nhận:

Bị cáo là người làm công cho cửa hàng tạp hóa – mỹ phẩm XT do anh Võ Thành Đ1 làm chủ ở số xx đường BT, Khóm 2, Phường 8, thành phố S từ tháng 4-2013 đến tháng 11-2013, công việc của bị cáo là đi tiếp thị sản phẩm để bán hàng và thu tiền từ những cửa hàng tại các tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, rồi đem về đăng nộp lại cho anh Đ1. Nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 6-2013 đến tháng 11-2013, do bị cáo cần tiền tiêu xài nên khi thu tiền nợ của các cửa hàng ở tuyến huyện xong thì bị cáo không đăng nộp lại cho anh Đ1 mà bị cáo đã chiếm đoạt để sử dụng vào mục cá nhân. Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt được của anh Đ1 là 268.018.300đ.

[4] Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Đoàn Minh Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét hành vi của bị cáo Đoàn Minh Đ đã lợi dụng việc thu tiền từ những cửa hàng tại các tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, rồi chiếm đoạt tổng số tiền là 268.018.300đ tiêu xài cho cá nhân rồi bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Đoàn Minh Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Điểm a Khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định khung hình phạt là từ 07 năm đến 15 năm tù, nhưng theo quy định Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì khung hình phạt chỉ từ 05 năm đến 12 năm tù. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo hướng có lợi cho bị cáo.

[6] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã bồi thường cho người bị hại được số tiền 10.000.000đ. Do đó, bị cáo được hưởng những

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét sự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với người bị hại.

[8] Đối với 01 xe mô tô yamaha Nouvo biển số 83P1-xxx.yy của bị cáo đang được thu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Phiếu nhập kho số NK00022 ngày 11-01-2018 cần giao cho người bị hại.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Do bị cáo với người bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại trước phiên tòa, nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bồi thường thiệt hại.

[10] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về hình phạt cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a Khoản 3 Điều 140; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Minh Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

1. Xử phạt bị cáo Đoàn Minh Đ 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-9-2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Ghi nhận sự tự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với người bị hại như sau:

Bị cáo Đoàn Minh Đ đồng ý bồi thường cho ông Võ Thành Đ1 là người bị hại số tiền 230.669.200đ (*Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm đồng*).

3. Giao 01 (một) xe mô tô yamaha Nouvo biển số 83P1-xxx.yy đang được thu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Phiếu nhập kho số NK00022 ngày 11-01-2018 cho ông Võ Thành Đ1.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo phải nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo và người bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Cận

Võ Ngọc Các

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Những người bị hại;
- Các nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Cận

Võ Ngọc Các

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

**Đỗ Ngọc Cận
Phước**

Huỳnh

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc
Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Phan Lê Vũ Huy Hoàng

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA

Các **Đỗ Ngọc Cận** **Võ Ngọc** **Phan Lê Vũ Huy Hoàng**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc
Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố
Sóc Trăng;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Định

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA

Trần Văn Phơ
Phước

Huỳnh

Nguyễn Quốc Định